

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN  
GARMEX SAIGON CORPORATION  
(GARMEX SAIGON)

☸☸☸

Số/No.: 101/TB.2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

☸☸☸

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026  
HoChiMinh City, July 30, 2026

## THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ CHANGE IN PERSONNEL

Kính gửi/To : - Sở Giao dịch chứng khoán Việt nam/VietNam Exchange  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2026 ngày 30/07/2026 của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") như sau:

Based on Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 02/NQ-DHDCD/2026 dated July 30, 2026 of Garmex Saigon Corporation, we would like to announce the change in personnel of Garmex SaiGon Corporation ("Company") as follows:

### Trường hợp bổ nhiệm/ In case of appointment:

- Bà LÊ THỊ TUƠNG VY/ Ms. LE THI TUONG VY
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ Former position in the Company : Không/None
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position: Thành viên Hội đồng quản trị/  
Member of the Board of Directors
- Thời hạn bổ nhiệm/Term: Thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2024-2029/  
The remaining period of the 2024-2029 term
- Ngày bắt đầu có hiệu lực / Effective date : 30/07/2026/ July 30, 2026

### Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/ In Case of dismissal/resignation:

- Ông BUI MINH TUẤN/ Mr. BUI MINH TUAN
- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ Former position in the Company : Thành viên Hội đồng quản trị/Member of the Board of Directors.
- Không còn đảm nhận chức vụ/ Dismissed/Resigned position: Thành viên Hội đồng quản trị/  
Member of the Board of Directors.
- Sau khi miễn nhiệm Ông BUI MINH TUẤN không còn là người nội bộ của Công ty/ After the dismissal, Mr. BUI MINH TUAN is no longer an internal person of the Company.
- Lý do miễn nhiệm / Reason for dismissal: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) ngày 30/07/2026 miễn nhiệm theo đơn từ nhiệm/ The Resolution of the General Meeting of Shareholders (By way of collecting shareholders' written opinions) dated July 30, 2026 dismissed him from the position pursuant to his resignation letter.
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ Effective date: 30/07/2026/ July 30, 2026



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/07/2026 tại đường dẫn <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

*This information was published on the Company's website on July.30, 2026 at the link <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>*

**Tài liệu đính kèm**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2026 ngày 30/07/2026/  
*Resolution of the General Meeting of Shareholders No.02/NQ-DHDCD/2026 dated July.30, 2026*
- Bản cung cấp thông tin của Bà LÊ THỊ TƯỜNG VY/Ms. LE THI TUONG VY's  
*information disclosure form*

**Đại diện tổ chức/ Organization Representative**  
**Người Đại diện theo pháp luật/ Legal Representative**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL DIRECTOR**



**NGUYỄN MINH HẰNG/NGUYEN MINH HANG**



## NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn;
- Biên bản Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 30/07/2026 của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty").

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN QUYẾT NGHỊ

**Điều 1: Thông qua Tờ trình số 01/TTr – LYKCD 2026 - Miễn nhiệm theo Đơn từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị của ông BÙI MINH TUẤN**

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 2024 – 2029) đối với ông BÙI MINH TUẤN kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 2: Thông qua Tờ trình số 02/TTr – LYKCD 2026 - Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị (Thời gian còn lại của Nhiệm kỳ 2024-2029)**

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu cử bổ sung 01 Thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của Nhiệm kỳ 2024-2029 như sau:

- Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung: 01 người
- Nhiệm kỳ : Thời gian còn lại của Nhiệm kỳ 2024 - 2029

**Điều 3: Bổ nhiệm Bà LÊ THỊ TƯỜNG VY là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn cho thời gian còn lại của Nhiệm kỳ 2024-2029.**

**Điều 4 : Điều khoản thi hành**

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/07/2026.
- Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, các tổ chức, phòng ban và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.





Nơi nhận :

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT Hà Nội
- Cổ đông Công ty
- Thành viên HĐQT Cty
- Thành viên BKS Cty
- TGĐ Cty
- Lưu Vp.HĐQT

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VĂN HÙNG



**RESOLUTION**  
**OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

Pursuant to:

- The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020;
- The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019;
- The Charter of Garmex Saigon Corporation;
- The Internal Regulations on Corporate Governance of Garmex Saigon Corporation;
- The Minutes of Vote Counting for the Shareholders' Written Opinion Forms dated July 30, 2026 of Garmex Saigon Corporation ("the Company").

**GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**  
**OF GARMEX SAIGON CORPORATION**  
**RESOLVES**

**Article 1: Approve Submission No. 01/TTr – LYKCD 2026 - Dismissal of Mr. BUI MINH TUAN from the position of Member of the Board of Directors based on his Resignation Letter**

The General Meeting of Shareholders approves the dismissal of Mr. BUI MINH TUAN from the position of Member of the Board of Directors (2024–2029 Term) effective from the date of approval by the General Meeting of Shareholders.

**Article 2: Approve Submission No. 02/TTr – LYKCD 2026 - Election of 01 additional Member to the Board of Directors (The remaining period of the 2024 - 2029 Term)**

The General Meeting of Shareholders hereby approves the additional election of 01 Board Member for the remaining period of the 2024–2029 Term as follows:

- Number of Members of the Board of Directors to be additionally elected: 01 person
- Term: The remaining period of the 2024–2029 Term

**Article 3: Appoint Ms. LE THI TUONG VY as a Member of the Board of Directors of Garmex Saigon Corporation for the remaining period of the 2024-2029 Term.**

**Article 4: Implementation provisions**

- This Resolution has been approved by the General Meeting of Shareholders of Garmex Saigon Corporation through the collection of shareholders' written opinions and shall take effect from July 30, 2026.



- Shareholders, the Board of Directors, the General Director of the Company, relevant organizations, departments and individuals are responsible for implementing this Resolution and organizing its execution in accordance with the provisions of the law and the Company's Charter.

**Recipients**

- *State Securities Commission*
- *Hanoi Stock Exchange*
- *The Company's Shareholders*
- *The Company's Members of BOD*
- *The Company's Members of BOS*
- *The Company's General Director*
- *For BOD's records*

**ON BEHALF OF GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**LE VAN HUNG**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026  
*Ho Chi Minh City, July 30, 2026*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE FORM**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**To:**

- *The State Securities Commission;*
- *HaNoi Stock Exchange.*

1. Họ và tên /Full name : Lê Thị Tường Vy/Le Thi Tuong Vy
2. Giới tính/Sex : Nữ/Female
3. Ngày tháng năm sinh/Date of birth:
4. Nơi sinh/Place of birth: Đức Phổ, Quảng Ngãi/Duc Pho, Quang Ngai
5. Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ Citizen ID No. (or Passport No.):  
Ngày cấp/Date of issue :  
Nơi cấp/ Place of issue:
6. Quốc tịch/Nationality : Việt Nam/Viet Nam
7. Dân tộc/Ethnic : Kinh
8. Địa chỉ thường trú:  
*Permanent residence:*
9. Số điện thoại/Telephone number:
- 10/ Địa chỉ email/Email:
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn/Garmex SaiGon Corporation
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên Hội đồng quản trị/Member of the Board of Directors
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:
  - + Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải : Kế toán trưởng  
*Thien Hai Investment And Trading Company Limited: Chief Accountant*
  - + Công ty CP Đầu tư Toàn Việt : Kế toán trưởng  
*Toan Viet Investment Corporation: Chief Accountant*
  - + Công ty CP Transimex: Thành viên Ban kiểm soát  
*Transimex Corporation: Member of the Supervisory Board*
  - + Công ty CP Vinaprint: Thành viên Hội đồng quản trị  
*Vinaprint Corporation: Board Member*
  - + Công ty CP Dịch Vụ Bến Thành: Thành viên Hội đồng quản trị  
*Ben Thanh Service Joint Stock Company: Board Member*



14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 0 , accounting for 0 % of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):0*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:0*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): Không/None*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /*List of affiliated persons of declarant:*

---

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

*Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.*



| Stt.<br>No. | Mã<br>CK Se<br>curitie<br>s<br>symbol | Họ tên<br>Full Name | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securi<br/>ties<br/>trading<br/>accounts<br/>(if<br/>available)</i> | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) <i>Posit<br/>ion at<br/>the<br/>compan<br/>y (if<br/>availabl<br/>e)</i> | Mối<br>quan hệ<br>đối với<br>công ty/<br>người<br>nội<br>bộ <i>Relat<br/>ionship<br/>with<br/>the com<br/>pany/<br/>internal<br/>person</i> | Loại<br>hình<br>Giấy<br>NSH<br>(*)<br>(CMN<br>D/<br>Passp<br>ort/<br>Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>docume<br>nts( ID/<br>Passpor<br>t/<br>Business<br>Registra<br>tion Cer<br>tificate) | Số Giấy NSH<br>(*)/ NSH No. | Ngày cấp/<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address l<br>Head office address | Số cổ<br>phiếu<br>sở hữu<br>cuối<br>kỳ <i>Nu<br/>mber<br/>of<br/>shares<br/>owned<br/>at the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ <i>Perce<br/>ntage of<br/>shares<br/>owned<br/>at the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ <i>Time<br/>the pers<br/>on<br/>became an<br/>affiliated<br/>person/<br/>internal<br/>person</i> | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người<br>có liên<br>quan<br>của<br>công ty/<br>người<br>nội<br>bộ <i>Time<br/>the pers<br/>on<br/>ceased<br/>to be an<br/>affiliate<br/>d<br/>person/<br/>internal<br/>person</i> | Lý do<br>(khi phá<br>t sinh th<br>ay đổi<br>liên<br>quan đ<br>n mục 1<br>3 và 14)<br><i>Reasons<br/>(when<br/>arising<br/>changes<br/>related<br/>to<br/>sections<br/>of 13 an<br/>d 14)</i>                                               | Ghi chú<br>(về việc<br>không<br>có số<br>Giấy<br>NSH và<br>các ghi<br>chú<br>khác)<br><i>Notes (i.e.<br/>not in<br/>possession<br/>of a NSH<br/>No. and<br/>other<br/>notes)</i> |
|-------------|---------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | 2                                     | 3                   | 4                                                                                                                              | 5                                                                                                              | 6                                                                                                                                           | 7                                                                                                                                                                                     | 8                           | 9                             | 10                        | 11                                                                           | 12                                                                                                                             | 13                                                                                                                             | 14                                                                                                                                                                                   | 15                                                                                                                                                                                                                   | 16                                                                                                                                                                                                                                         | 17                                                                                                                                                                               |
|             | GMC                                   | Lê Thị<br>Tường Vy  |                                                                                                                                | Thành<br>viên<br>HĐQT                                                                                          |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                       |                             |                               |                           |                                                                              | 0                                                                                                                              | 0%                                                                                                                             | 30.07.2026                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                      | Nghị quyết<br>ĐHDCĐ bỏ<br>nhiệm ngày<br>30.07.2026<br>theo hình<br>thức lấy ý<br>kiến cổ<br>đồng bằng<br>văn bản/<br>Resolution<br>of GMS on<br>appointme<br>nt passed<br>by way of<br>collecting<br>shareholde<br>rs' written<br>opinions |                                                                                                                                                                                  |
| 1           | Cá nhân có liên quan                  |                     |                                                                                                                                |                                                                                                                |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                       |                             |                               |                           |                                                                              |                                                                                                                                |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                  |
| 1.01        |                                       | Lê Đơ               |                                                                                                                                |                                                                                                                | Cha/<br>Father                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                       |                             |                               |                           |                                                                              | 0                                                                                                                              | 0%                                                                                                                             | 30.07.2026                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                  |

| Stt No. | Mã CK Securities symbol | Họ tên Full Name    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/ Passport/ Business Registration Certificate) | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày cấp/ Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes) |
|---------|-------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                       | 3                   | 4                                                                                   | 5                                                                   | 6                                                                                        | 7                                                                                                                      | 8                        | 9                       | 10                     | 11                                                        | 12                                                                         | 13                                                                                 | 14                                                                                                                             | 15                                                                                                                                     | 16                                                                                                                        | 17                                                                                                                     |
| 1.02    |                         | Nguyễn Thị Kim Loan |                                                                                     |                                                                     | Mẹ/ Mother                                                                               |                                                                                                                        |                          |                         |                        |                                                           | 0                                                                          | 0%                                                                                 | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.03    |                         | Phạm Mạnh Tráng     |                                                                                     |                                                                     | Chồng/ Husband                                                                           |                                                                                                                        |                          |                         |                        |                                                           | 0                                                                          | 0%                                                                                 | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.04    |                         | Phạm Phương Thanh   |                                                                                     |                                                                     | Con/ Child                                                                               |                                                                                                                        |                          |                         |                        |                                                           | 0                                                                          | 0%                                                                                 | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           | Còn nhỏ/ Depend ent child                                                                                              |
| 1.05    |                         | Phạm Minh Thanh     |                                                                                     |                                                                     | Con/ Child                                                                               |                                                                                                                        |                          |                         |                        |                                                           | 0                                                                          | 0%                                                                                 | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           | Còn nhỏ/ Depend ent child                                                                                              |
| 1.06    |                         | Phạm Thanh Bình     |                                                                                     |                                                                     | Con/ Child                                                                               |                                                                                                                        |                          |                         |                        |                                                           | 0                                                                          | 0%                                                                                 | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           | Còn nhỏ/ Depend ent child                                                                                              |
| 1.07    |                         | Phạm Chi Thanh      |                                                                                     |                                                                     | Con/ Child                                                                               |                                                                                                                        |                          |                         |                        |                                                           | 0                                                                          | 0%                                                                                 | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           | Còn nhỏ/ Depend ent child                                                                                              |

| Stt No. | Mã CK Securities symbol | Họ tên Full Name                             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/internal person | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/Business Registration Certificate) | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày cấp/ Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                     | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes) |
|---------|-------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                       | 3                                            | 4                                                                                   | 5                                                                   | 6                                                                                      | 7                                                                                                                  | 8                        | 9                       | 10                                                         | 11                                                               | 12                                                                         | 13                                                                                | 14                                                                                                                             | 15                                                                                                                                     | 16                                                                                                                        | 17                                                                                                                     |
| 1.08    |                         | Lê Thị Kiều Phương                           |                                                                                     |                                                                     | Em/ Sibling                                                                            |                                                                                                                    |                          |                         |                                                            |                                                                  | 0                                                                          | 0%                                                                                | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.09    |                         | Nguyễn Thanh Tuấn                            |                                                                                     |                                                                     | Em rể/ Brother-in-law                                                                  |                                                                                                                    |                          |                         |                                                            |                                                                  | 0                                                                          | 0%                                                                                | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.10    |                         | Lê Thị Thu Quyên                             |                                                                                     |                                                                     | Em/ Sibling                                                                            |                                                                                                                    |                          |                         |                                                            |                                                                  | 0                                                                          | 0%                                                                                | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.11    |                         | Lê Quốc Phong                                |                                                                                     |                                                                     | Em/ Sibling                                                                            |                                                                                                                    |                          |                         |                                                            |                                                                  | 0                                                                          | 0%                                                                                | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 2       | Tổ chức có liên quan    |                                              |                                                                                     |                                                                     |                                                                                        |                                                                                                                    |                          |                         |                                                            |                                                                  |                                                                            |                                                                                   |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 2.01    |                         | Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải/ |                                                                                     | Kế toán trưởng/ Chief Accountant                                    |                                                                                        |                                                                                                                    | 0300989419               | 29/11/1993              | Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM/ Ho Chi Minh City Department of | Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM/ No. 56 Phạm Ngọc | 5.224.705                                                                  | 15,86%                                                                            | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |



| Stt<br>No. | Mã<br>CK Se<br>curitie<br>s<br>symbol | Họ tên<br>Full Name                                                          | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securi<br/>ties<br/>trading<br/>accounts<br/>(if<br/>available)</i> | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) <i>Posit<br/>ion at<br/>the<br/>compan<br/>y (if<br/>availabl<br/>e)</i> | Mối<br>quan hệ<br>đối với<br>công ty/<br>người<br>nội<br>bộ <i>Relat<br/>ionship<br/>with<br/>the com<br/>pany/<br/>internal<br/>person</i> | Loại<br>hình<br>Giấy<br>NSH<br>(*)<br>(CMN<br>D/<br>Passp<br>ort/<br>Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>docume<br>nts (ID/<br>Passpor<br>t/<br>Business<br>Registra<br>tion Cer<br>tificate) | Số Giấy NSH<br>(*)/ NSH No. | Ngày cấp/<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                            | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address I<br>Head office address                                                        | Số cổ<br>phiếu<br>sở hữu<br>cuối<br>kỳ <i>Num<br/>ber of<br/>shares<br/>owned<br/>at the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ <i>Perce<br/>ntage of<br/>shares<br/>owned<br/>at the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ <i>Time<br/>the person<br/>became an<br/>affiliated<br/>person/<br/>internal<br/>person</i> | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người<br>có liên<br>quan<br>của<br>công ty/<br>người<br>nội<br>bộ <i>Time<br/>the pers<br/>on<br/>ceased<br/>to be an<br/>affiliate<br/>d<br/>person/<br/>internal<br/>person</i> | Lý do<br>(khi phá<br>t sinh th<br>ay đổi<br>liên<br>quan đ<br>n mục 1<br>3 và 14)<br><i>Reasons<br/>(when<br/>arising<br/>changes<br/>related<br/>to<br/>sections<br/>of 13 an<br/>d 14)</i> | Ghi chú<br>(về việc<br>không<br>có số<br>Giấy<br>NSH và<br>các ghi<br>chú<br>khác)<br><i>Notes (i.e.<br/>not in<br/>possession<br/>of a NSH<br/>No. and<br/>other<br/>notes)</i> |
|------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                     | 3                                                                            | 4                                                                                                                              | 5                                                                                                              | 6                                                                                                                                           | 7                                                                                                                                                                                     | 8                           | 9                             | 10                                                                                                   | 11                                                                                                                                  | 12                                                                                                                         | 13                                                                                                                             | 14                                                                                                                                                                              | 15                                                                                                                                                                                                                   | 16                                                                                                                                                                                           | 17                                                                                                                                                                               |
|            |                                       | Thien Hai<br>Investment<br>And<br>Trading<br>Company<br>Limited              |                                                                                                                                |                                                                                                                |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                       |                             |                               | Planning and<br>Investment                                                                           | Thach Street, Xuan<br>Hoa Ward, Ho Chi<br>Minh City                                                                                 |                                                                                                                            |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                  |
| 2.02       |                                       | Công ty CP<br>Đầu tư Toàn<br>Việt/<br>Toan Viet<br>Investment<br>Corporation |                                                                                                                                | Kế toán<br>trưởng/<br>Chief<br>Account<br>ant                                                                  |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                       | 0309587030                  | 19/11/2009                    | Sở Kế hoạch<br>Đầu tư TP.<br>HCM/ Ho Chi<br>Minh City<br>Department of<br>Planning and<br>Investment | Số 56 Phạm Ngọc<br>Thạch, Phường<br>Xuân Hòa,<br>Tp.HCM/<br>No. 56 Phạm Ngọc<br>Thạch Street, Xuan<br>Hoa Ward, Ho Chi<br>Minh City | 0                                                                                                                          | 0%                                                                                                                             | 30.07.2026                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                  |
| 2.03       |                                       | Công ty CP<br>Transimex/<br>Transimex<br>Corporation                         | 011C05<br>6666                                                                                                                 | TV<br>BKS/<br>Member<br>of the<br>Supervis<br>ory                                                              |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                       | 0301874259                  | 03/12/1999                    | Sở Kế hoạch<br>Đầu tư TP.<br>HCM/ Ho Chi<br>Minh City<br>Department of<br>Planning and               | 172 Hai Bà Trưng,<br>Phường Tân Định,<br>TP Hồ Chí Minh,<br>Việt Nam/ 172 Hai<br>Ba Trưng Street,<br>Tan Dinh Ward, Ho              | 0                                                                                                                          | 0%                                                                                                                             | 30.07.2026                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                  |

| Stt No. | Mã CK Securities symbol | Họ tên Full Name                                                    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/internal person | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/Business Registration Certificate) | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày cấp/ Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                                             | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address                                                                                      | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes) |
|---------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                       | 3                                                                   | 4                                                                                   | Board                                                               | 6                                                                                      | 7                                                                                                                  | 8                        | 9                       | Investment                                                                         | Chi Minh City, Vietnam.                                                                                                                        | 12                                                                         | 13                                                                                 | 14                                                                                                                             | 15                                                                                                                                     | 16                                                                                                                        | 17                                                                                                                     |
| 2.04    |                         | Công ty CP Vinaprint/ Vinaprint Corporation                         | 011C056666                                                                          | TV HĐQT/ Board Member                                               |                                                                                        |                                                                                                                    | 0301306457               | 08/09/2006              | Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM/ Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment | Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM/ No. 56 Pham Ngoc Thach Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City                                 | 0                                                                          | 0%                                                                                 | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 2.05    |                         | Công ty CP Dịch Vụ Bến Thành/ Ben Thanh Service Joint Stock Company |                                                                                     | TV HĐQT/ Board Member                                               |                                                                                        |                                                                                                                    | 0305246978               | 04/10/2007              | Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM/ Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment | Số 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam/ No. 390 Nguyen Cong Tru Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam. | 0                                                                          | 0%                                                                                 | 30.07.2026                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |

17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có)/*Related interest with the Company (if any):* Không/*None*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có)/ *Interest in conflict with the Company(if any):* Không/*None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)  
(*Signature, full name*)

  
Lê Thị Tường Vy

